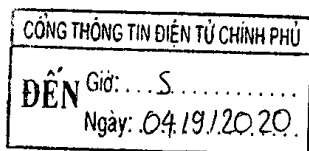


CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 102/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2020

**NGHỊ ĐỊNH****Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Hiệp định đối tác tự nguyện giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu về thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam đối với nhập khẩu, xuất khẩu; tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; cấp giấy phép FLEGT.

2. Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam đối với khai thác, vận chuyển, mua bán, chế biến gỗ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Gỗ hợp pháp là gỗ, sản phẩm gỗ (sau đây viết tắt là gỗ) được khai thác, nhập khẩu, xử lý tịch thu, vận chuyển, mua bán, chế biến, xuất khẩu phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định liên quan của Điều ước

quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật có liên quan của quốc gia nơi khai thác gỗ xuất khẩu vào Việt Nam.

2. Giấy phép FLEGT là văn bản do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp để xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất lô hàng gỗ (trừ lô hàng sản xuất từ gỗ sau xử lý tịch thu) sang Liên minh châu Âu (sau đây viết tắt là EU) theo các quy định tại Nghị định này, Hiệp định Đối tác tự nguyện giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu về thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (sau đây viết tắt là VPA/FLEGT) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Chủ gỗ là tổ chức; hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, cá nhân (sau đây viết tắt là cá nhân) có quyền sở hữu hợp pháp đối với gỗ theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

5. Xác minh là những hoạt động kiểm tra, đối chiếu tính hợp lệ, hợp pháp và sự phù hợp của hồ sơ với thực tế lô hàng gỗ nhập khẩu, xuất khẩu.

6. Cơ quan Kiểm lâm sở tại bao gồm: cơ quan Kiểm lâm cấp huyện, cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh ở những địa phương không có cơ quan Kiểm lâm cấp huyện.

7. Lô hàng gỗ nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất là một số lượng gỗ nhất định được nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất một lần cùng với hồ sơ nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất.

8. Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp là hệ thống tự động để phân loại doanh nghiệp có chức năng tiếp nhận thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp, xử lý và lưu trữ thông tin, công bố kết quả phân loại doanh nghiệp.

9. Quy định pháp luật có liên quan của quốc gia nơi khai thác là những quy định hiện hành của quốc gia đó về khai thác rừng, quản lý rừng, thuế, thương mại, hải quan đối với gỗ.

10. Bảng kê gỗ là các thông tin về lô hàng gỗ do chủ gỗ kê khai khi nhập khẩu, xuất khẩu gỗ. Chủ gỗ chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai và nguồn gốc gỗ hợp pháp tại bảng kê gỗ.

11. Quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực là quốc gia đáp ứng được một trong các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

12. Gỗ thuộc loại rủi ro cao là gỗ thuộc một trong các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

13. Trách nhiệm giải trình khi nhập khẩu gỗ là việc chủ gỗ nhập khẩu cung cấp các thông tin liên quan đến tính hợp pháp của nguồn gốc gỗ nhập khẩu, thực hiện các biện pháp đánh giá và giảm thiểu rủi ro theo quy định của quốc gia nơi khai thác gỗ; thực hiện các biện pháp đánh giá và giảm thiểu rủi ro theo quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin do mình cung cấp.

Chương II

QUẢN LÝ GỖ NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU

Mục 1

QUẢN LÝ GỖ NHẬP KHẨU

Điều 4. Quy định chung về quản lý gỗ nhập khẩu

1. Gỗ nhập khẩu phải bảo đảm hợp pháp, được làm thủ tục nhập khẩu và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan.

2. Quản lý gỗ nhập khẩu được thực hiện trên cơ sở áp dụng biện pháp quản lý rủi ro để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm gỗ nhập khẩu hợp pháp; đồng thời khuyến khích, tạo thuận lợi đối với tổ chức, cá nhân tuân thủ pháp luật.

3. Gỗ nhập khẩu được quản lý rủi ro theo các tiêu chí xác định quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực hoặc không tích cực, loại gỗ thuộc loại rủi ro hoặc không thuộc loại rủi ro quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này.

4. Chủ gỗ nhập khẩu chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung sau:

a) Nguồn gốc hợp pháp của gỗ nhập khẩu theo các quy định pháp luật có liên quan của quốc gia nơi khai thác gỗ;

b) Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về cung cấp thông tin theo tiêu chí đánh giá vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam quy định tại Điều 5 Nghị định này và tiêu chí xác định loại gỗ rủi ro nhập khẩu vào Việt Nam quy định tại Điều 6 Nghị định này;

c) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị định này: Cung cấp hồ sơ, thực hiện kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị định này, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ và thông tin kê khai.

5. Quy định về hồ sơ khi mua bán, chuyển giao quyền sở hữu gỗ nhập khẩu:

a) Trường hợp chủ gỗ nhập khẩu bán toàn bộ hoặc một phần lô hàng gỗ nhập khẩu cho một hay nhiều chủ gỗ khác: Chủ gỗ nhập khẩu lập bảng kê gỗ trích từ bảng kê gỗ nhập khẩu, sao hồ sơ gỗ nhập khẩu và ký xác nhận, đóng dấu (nếu có) giao cho chủ gỗ mua và lưu hồ sơ gốc gỗ nhập khẩu;

b) Trường hợp chủ gỗ mua tại điểm a khoản này bán toàn bộ hoặc một phần lô hàng gỗ nhập khẩu cho chủ gỗ khác: Chủ gỗ bán lập bảng kê gỗ trích từ bảng kê mua trước đó, sao hồ sơ gỗ nhập khẩu và ký xác nhận, đóng dấu (nếu có) giao cho chủ gỗ mua và lưu giữ bản sao;

c) Trường hợp bán gỗ nhập khẩu cho chủ gỗ tiếp theo: Chủ gỗ bán thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này;

d) Trường hợp chuyển giao quyền sở hữu bằng các hình thức khác: Thực hiện theo quy định tại các điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này.

Điều 5. Tiêu chí xác định và thẩm quyền công bố quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam

1. Quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam khi bảo đảm một trong các tiêu chí sau:

a) Có Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp và cấp giấy phép FLEGT đang vận hành;

b) Có quy định pháp luật quốc gia về trách nhiệm giải trình tính hợp pháp của gỗ cho toàn bộ chuỗi cung ứng từ quốc gia nơi khai thác phù hợp với Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam;

c) Có chỉ số hiệu quả Chính phủ từ 0 trở lên theo xếp hạng gần nhất trước đó của Ngân hàng thế giới về chỉ số quản trị toàn cầu (WGI); có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thực thi CITES được xếp loại I do ban thư ký CITES công bố và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: Quốc gia đã ký Hiệp định song phương với Việt Nam về gỗ hợp pháp hoặc Quốc gia có hệ thống chứng chỉ gỗ quốc gia được Việt Nam công nhận là đáp ứng tiêu chí gỗ hợp pháp theo quy định tại Nghị định này.

2. Quốc gia thuộc vùng địa lý không tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam khi không đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền công bố Danh sách quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam: Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan để thống nhất và chịu trách nhiệm công bố Danh sách quốc gia thuộc vùng địa lý tích

cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam cho từng thời kỳ theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Danh sách quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam được công bố trên trang thông tin điện tử: www.kiemlam.org.vn.

Điều 6. Tiêu chí xác định và thẩm quyền công bố loại gỗ rủi ro nhập khẩu vào Việt Nam

1. Gỗ thuộc loại rủi ro nhập khẩu vào Việt Nam nếu thuộc một trong các tiêu chí sau:

a) Gỗ thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (sau đây viết tắt là Phụ lục CITES);

b) Gỗ thuộc Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA, Nhóm IIA; Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Gỗ lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam;

d) Gỗ có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng tại quốc gia khai thác hoặc buôn bán trái phép do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành có liên quan và tổ chức được quy định trong Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên xác định.

2. Gỗ không thuộc loại rủi ro khi không thuộc các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền công bố loại gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cập nhật và công bố danh mục các loại gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam; định kỳ 6 tháng một lần vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Danh mục các loại gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam được công bố trên trang thông tin điện tử: www.kiemlam.org.vn bao gồm tên khoa học, tên thương mại tiếng Việt, tiếng Anh (nếu có).

Điều 7. Hồ sơ gỗ nhập khẩu

Khi làm thủ tục Hải quan đối với lô hàng gỗ nhập khẩu, ngoài bộ hồ sơ Hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan, chủ gỗ nhập khẩu phải nộp cho cơ quan Hải quan nơi đăng ký tờ khai các tài liệu sau:

1. Bản chính bảng kê gỗ nhập khẩu do chủ gỗ lập theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Một trong các tài liệu sau: